TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2020.
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Bình.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2021 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 27/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 51/2021/TB-TA ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C sinh năm 2000, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn M sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Những người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Đ sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các bên đương sự đều trình bày: Chị C và anh M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trước khi kết hôn cả hai bên tuổi đời còn trẻ, không có

thời gian tìm hiểu kỹ về bản thân, gia đình, điều kiện cuộc sống, công việc nên dẫn tới bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị C và anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C xin ly hôn anh M đồng ý.

Về con chung: Chị C và anh M khai nhận có một con chung là Đặng P.K sinh ngày 05/12/2020. Khi ly hôn chị C và anh M có quan điểm tiếp tục giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng; chị C cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 05/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị C, anh M xác định không có; không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Đ, bà N (mẹ của hai bên đương sự) trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên đương sự ly hôn, giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng. Bà N xác nhận nếu anh M được nuôi dưỡng con chung bà và gia đình sẽ hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc cháu K.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử chị C ly hôn anh M; giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng; chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/tháng và phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C và anh M đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/12/2020 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do trước khi kết hôn cả hai bên tuổi đời còn trẻ, không có thời gian tìm hiểu kỹ về bản thân, gia đình, điều kiện cuộc sống, công việc nên khi về chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa giữa các bên đương sự đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị C cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị C ly hôn anh M.

[3]. Về con chung: Khi ly hôn chị C và anh M thống nhất giao con chung là Đặng P.K sinh ngày 05/12/2020 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng; chị C cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 05/2021. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh M đã chứng minh các điều kiện về chỗ ở, công việc, thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung; mặt khác bà N là mẹ của anh M xác nhận nếu anh M được nuôi dưỡng con chung thì bà và gia đình sẽ hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc cháu K. Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận quan điểm của các bên đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao cháu K cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng; chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M ở mức 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị C và anh M không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị C có đơn xin ly hôn và phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị C ly hôn anh Đặng Văn M.

- Về con chung: Giao con là Đặng P.K sinh ngày 05/12/2020 cho anh Đặng Văn M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M là 3.000.000đ (ba triệu)/tháng; kể từ tháng 05/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Phạm Thị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003701 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**